

## Chuyện địa lý phong thủy họ Nguyễn gốc Lý

Người xưa quan niệm số mệnh của một con người không chỉ phụ thuộc vào bản thân người đó (tức giờ ngày, tháng, năm sinh) mà còn chịu ảnh hưởng của âm phần và dương phần nên có câu "Nhất mộ, nhì phòng, tam bát tự".

Ở Việt Nam ta chuyện Phong thủy từ xưa đến nay luôn là những câu chuyện đầy bí ẩn. Câu tục ngữ: “ Người ta sống về mồ về mã chứ không ai sống vì cả bát com”. đã minh chứng rằng những người xưa có hiểu biết đã coi trọng và tin tưởng ở khoa địa lý phong thủy.

Khoa địa lý đã được minh chứng kết quả từ hàng ngàn năm nay, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trong đời sống hàng ngày. Địa lý có dương trạch và âm trạch

Về dương trạch, tức phong thủy của nhà ở, những vấn đề cần xét có rất nhiều như huyệt vị, làm nhà, hướng nhà, cấu trúc nhà, nội thất,... Cần phải xét tất cả các yếu tố mới làm thành phong thủy tốt cho ngôi nhà.

Về âm trạch tức ở khía cạnh mộ phần của người chết thì âm dương cách biệt, không giống nhau. Vì thế kỹ thuật ứng dụng trong âm trạch và dương trạch cũng khác nhau. Khoa địa lý phong thủy quan niệm rằng hình thế đất đai sông núi không phải là sự ngẫu nhiên mà ẩn chứa ở trong những điều huyền diệu. Trong những hình thức nào đó, đất đai có chứa “tứ khí” để rồi táng hài cốt ông bà tổ tiên vào đó thì giúp cho con cháu phát phúc phát quan.

Ai cũng biết thầy địa lý là những người tìm đất để an táng mồ mả nhưng công việc của họ như thế nào thì vẫn là bí ẩn với nhiều người. Từ khi khoa địa lý ra đời thì người người mong cầu tìm được đất kết. Do vậy mới có các thầy địa lý chuyên việc đi tìm kiếm đất kết cho thiên hạ.

Xưa nay, khoa địa lý có ảnh hưởng lớn lao đến sự thịnh suy của cả một giòng họ nên các thầy địa lý chân chính rất thận trọng khi chỉ cuộc đất, sợ tổn hao âm đức của mình, và sợ chính kẻ thiếu đức bị hại vì công danh bổng lộc cao mà đức mỏng, nên chỉ bí truyền. Do việc bí truyền của các thầy địa lý - chỉ truyền dạy kiến thức địa lý cho con hoặc học trò “ruột” - nên khoa địa lý chính tông ngày càng mai một.

Sách Phong thủy địa lý tả ao – Vi sư pháp nói cụ thể như sau:

Phép làm thầy địa lý có ba điều: Đối với mình phải tu đức hành nhân, không được tham tiền tài mà làm hại người. Đối với người xin đất phải chọn người có đức nhiều ít mà cho đất lớn nhỏ... Đối với sơn thần, thổ địa nơi có đất kết phải biết phép khu xử, sai khiến...

Nhà địa lý lừng danh ở nước ta là Tả Ao Các sách vở cũng như truyền thuyết đều coi ông là Thánh Địa lý Tả Ao hay Tả Ao tiên sinh, là nhân vật làm nghề địa lý phong thủy nổi tiếng ở Việt Nam. Trong dân gian tương truyền nhiều giai thoại cổ về hành trạng thuật phong thủy của ông ở các làng xã Việt Nam thời xưa. Các sử gia thời Lê Nguyễn đều không chép về ông nên cuộc đời ông chỉ được chép tản mát trong một số truyện, sách đại lý phong thủy thời nhà Nguyễn và sau này. Sách Hán Nôm được cho là do Tả Ao truyền lại hiện lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Chuyện về ông, Nguyễn Án viết: “*Chao ôi, phương thuật của ông kể cũng rất lạ. Vậy mà họ tên không truyền lại, đáng tiếc thay (Có thuyết nói Ông họ Hoàng tên Chi)*”.

[1]

Kho tàng truyền thuyết nước ta còn lưu giữ nhiều câu chuyện về việc nhờ đất kết mà được quan tước thậm chí được cả thiên hạ. Ví như truyện họ Trần cứu sống thầy địa lý Tàu nên được ông này táng lại mộ tổ cho nên sau được giang sơn. Hoặc như truyện Nguyễn Nhạc đánh lừa thầy địa lý Tàu để tráo tro cốt cha mình vào huyệt kết ở An Khê mà sau ba anh em họ Nguyễn trở nên vua chúa một thời...

Trong gia phả họ Nguyễn gốc họ Lý làng Vân Điem còn chép lại truyền thuyết rất thú vị về những thầy địa lý Tàu đặt mộ giúp cho con cháu dòng họ Nguyễn sau này nói nhau đỡ đạt.

Nhà Trần bắt họ Lý đổi làm họ Nguyễn, một là vì tổ nhà Trần tên là Lý, hai là vì muốn lòng người không còn nhớ đến nhà Lý nữa, Trần Thủ Độ đầy tôn thất họ Lý lên hai làng ở biên giới Trung hoa làng Bằng hà ở gần cửa ải Kỳ cấp, và làng ở Ba Điem cửa đèo Lai thuộc châu Hữu Lũng.

Cả hai làng đều nhất loạt làm phản đầu hàng quân Mông cổ. Sau khi đuổi xong quân Mông Cổ, vua nhà Trần bắt dân hai làng đều phải làm lính, không được thi cử hoặc làm quan. Số phận làng Bằng hà không biết sau ra làm sao, nhưng làng Ba Điem thì thiên về Nam. Dân họ Nguyễn làng ấy đều là tôn thất nhà Lý, đều là dân học được nhưng phải suốt đời làm lính, thì ai mà không muốn tránh. Vì thế, họ ấy dời sang cánh đồng xa tỉnh thành, ở nhờ một miếng đất giữa cánh đồng làng Ông Mặc Kim Thiều. Trước còn là một xóm người ngụ cư, sau thành hẳn một làng riêng. Vẫn còn giữ tên đối với dân vùng ấy. Vùng ấy vẫn gọi là “xóm Kẻ Đóm”. Sau thành làng, lấy tên chữ là Vân Điem. Người đầu tiên về làng Vân- Điem là cụ Nguyễn Thiện Tính làm thuê cho một người cũng họ Nguyễn trong làng. Cháu cụ là cụ Nguyễn Bồn.

Triều nhà Trần, dân làng giấu tên giấu họ, và lai lịch của mình để được an thân và sinh sống bằng nghề nông. Hơn một trăm năm sau (khoảng 1400), sống qua mấy đời làm ruộng ở Kẻ Đóm, nhà họ Nguyễn gốc Lý này biến thành dân quê với lời trôi từ đời này sang đời kia: “*Họ ta là một cành vua Lý. Nhà Trần bắt ta đổi làm họ Nguyễn, nhưng chúng ta phải nhớ rằng ta vốn là dòng dõi Lý bát đế. Tổ ta, cụ trung liệt Lý Quang Bật là con thứ sáu Nghĩa Nam vương Lý Hùng Tích, con thứ ba Lý Thánh Tông Hoàng Đế, vì chống lại họ Trần mà thiệt mạng. Ngày kia, trời tựa, ta*

*phải trừ nòi giống quân phường chài Hải Ấp” (tức là họ Trần, vốn làm nghề đánh cá.)*

Câu này như văn khấn chữ nho tối nghĩa, mất đi một ý nghĩa của mệnh lệnh lúc đầu. [2] Cứ như thế, truyền được bảy đời.

Rồi đến đời thứ tám là Nguyễn Bồn.

### ***Truyện thuyết địa lý về cụ Nguyễn Bồn***

Đến Bồn, họ Nguyễn suy đã được hai đời. Một họ trước kia gồm trăm đình mà cứ chết mòn, cứ thêm người vô hậu mãi mãi cho đến thành họ độc đình. Ông Bồn là con một, cha Bồn cũng là con một, đến Bồn cũng lại là con một nốt. Nguyễn là một họ có ruộng làm, từ đời ông Bồn, thành một họ đi ở cấy. Sau khi chịu lời dặn cuối cùng của cha, Bồn lại đi ở cấy như cha. Bồn đi ở cấy với một nhà giàu trong làng, nhà một ông nội thị về hưu. Nội thị là chức quan không nhỏ không to đời Lê. Không to vì hàm có tam phẩm mà không nhỏ vì là tay hầu trong, gần gũi vua hơn. Nội thị là những kẻ được vua yêu nhưng không trọng. Người hầu khéo thì yêu, thì sai khiến chứ vua không trọng, không cho dự vào việc triều chính, trừ ra khi vua là một vị hôn quân. Lúc ông này làm Nội thị là lúc nhà Lê gần mất, lũ Nội thị được dùng ngoài việc nội thị. Ông Nội thị này biết tài mình chẳng tranh quyền cướp nước gì được, nên ông chỉ lợi dụng cơ hội mà làm giàu.

Khi lui về nghỉ ở quê, ông dùng tiền ấy làm nhà làm cửa tậu ruộng tậu vườn. Vốn là dân ngụ cư, bây giờ ông thành tiên chỉ làng Vân diêm. Ruộng nương nhà cửa của ông tức là ruộng nương nhà cửa của họ Bồn trước. Tòa nhà ông ở bây giờ, vốn là nhà thờ họ Bồn mà người trưởng họ đã gán nợ cho ông rồi thì tuyệt tự, truyền lại cả một tổ truyền, cả một huyết thống cho ông Bồn là người cảnh thứ. Chiếm hết ruộng nhà một họ rồi lại nuôi giọt máu còn lại của họ ấy làm đũa ở cấy, trò bẻ dậu thật đã hoàn toàn triệt để. Là người có học thức, có tâm huyết ra thì Bồn cũng lấy làm tủi nhục lắm. Song Bồn trời bẩm sinh tính người chất phác hồn hậu lại không được học hành gì nên cũng vui vẻ đi ở cấy, coi đó là việc trời muốn thế. Bồn rất chăm chỉ cần cù thật thà ngay thẳng, vui vẻ nên ông Nội thị rất mến rất thương. Một túp lều tranh, non sào vườn cỏ, một mụn con trai, đó là tất cả gia tài Bồn, tất cả cái sót lại của một họ đã dựng nên làng Vân diêm. Trong nhà, gian giữa kê một cái giường thờ bằng tre, trên để một bát hương, đó là nơi thờ phụng tổ tiên. Bài vị cũng không còn nữa, vì khi trao việc thờ phụng tổ tiên và nối dõi tông đường cho ông Bồn, người trưởng họ đã đánh nát mất bài vị.

Ông Nội thị, ngoài việc làm ruộng lấy thóc, cho vay thóc lấy lãi ra, còn mê một nghề nữa là nghề địa lí. Suốt ngày suốt tháng ông chỉ bận việc đi *tróc long tầm hổ*.

Một dạo ông đón được ông thầy Tàu về. Hai người cả ngày chỉ đi lang thang ngoài đồng. Về tới nhà thì chỉ nói chuyện *kiểu đất, con mọc, con kim, con thủy, con hỏa...*

Một hôm hai sư chủ cùng ra đồng xem đất, khiến Bồn vác cuốc đi hầu. Ra đến Gò Cẩm, hai sư chủ cùng lên gò, ngoảnh mặt về phía tây ngắm nghía. Ông thầy Tàu nói:

-Đấy ông xem. Thẳng mặt đây chừng bốn năm dặm, tuyệt nhiên không vương một cái cây, một bụi tre, một mô đất nào. Lại xem từ đây trở đi, đất cứ thấp dần

dân. *Thủy* đã rộng chưa: một vùng năm sáu dặm vòng tròn bắt cong vòng năm bắc... Con *thủy* này thì lộc hưởng đến vài trăm năm.

Ông Nội thị nói:

-Cái đó thì mắt phàm như tôi đây cũng phải trông ra. Tục ngữ an nam chúng tôi nói rằng: *khum khum gong vó, chẳng nó thì ai, thè lè lưỡi trai, chẳng ai thì nó*. Kiểu đất này vừa khum gong vó, vừa thè lưỡi trai, thủy to, mạch dài rộng là đất to lắm, nhưng còn một điều này nữa nếu ta không trông rõ thì cũng không dùng được. Chính huyệt ở đâu?

-Ở gò này chứ còn ở đâu!

-Tôi cũng biết thế nhưng đích ở chỗ nào?

-Phải rồi, sai một li đi một dặm, nhận huyệt cho thật đúng, đó là cái thần diệu ở kiểu đất này, cứ ý tôi thì chính huyệt ở kia, phía bên gò hữu kia.

Hai người cùng sang phía hữu. Ông thầy Tàu đứng lên một chỗ, ngắm nghía kỹ chung quanh, dịch đi nửa bước rồi chân giậm đất, miệng nói:

-Đây, huyệt đây! Huyệt đây!

Ông Nội thị đứng lên chỗ ấy ngắm:

-Không phải! Cứ ý tôi, huyệt ở giữa gò kia.

-Giữa gò cũng có huyệt, song là huyệt thứ hai. Đây mới là huyệt chính kết.

Cả hai người lại sang giữa gò. Ông thầy Tàu đứng lên chỗ ông Nội thị chỉ, ngắm nghía một hồi thật lâu rồi nói:

-Đích thị như tôi sở kiến. Huyệt này là phó huyệt; huyệt bên mới là chính huyệt.

-Đôi bên, bên nào giữ ý của bên ấy, không ai chịu ai. Sau cùng, ông thầy nói:

-Bây giờ làm thế này thì đỡ cãi nhau vô ích. Hai huyệt đều kết cả, cái đó tôi với ông xem đều đúng cả. Chỉ có huyệt nào là chính kết thì ta còn phân vân. Nay trời tà chiều rồi, ta bứt hai cành lá tươi cắm vào huyệt. Sáng mai, cành nào tươi là chính huyệt, cành nào khô là phó huyệt.

Rồi ông Nội thị sai Bồn đi cắt hai cành lá cắm vào hai huyệt. Bồn cười thầm, cho là chuyện láo. Đêm về Bồn cứ nghĩ một mình: “Hòn đất mà biết nói năng, thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn! Khôn nhưng hòn đất nó không biết nói, nên thầy tha hồ mà ba hoa! Cành lá ngày mai thì chết rũ hết chứ tươi làm sao được!” Tuy Bồn không tin – mà cái lẽ đầu đề chàng không tin là chàng không để ý vì chàng chẳng bao giờ lại có ý tìm đất cho nhà mình, nhà mà giờ đã bắt làm thân phận tôi đòi – nhưng Bồn cũng tự nhiên cứ để ý đến, rồi thì bỗng nảy ý tò mò muốn xem. Canh tư Bồn dậy ra đồng xem, thì lạ quá quả nhiên cành ở giữa héo, cành ở bên tươi tuy thế Bồn vẫn không tin và tự nghĩ: “chà? Cành của thằng thầy cắm ở men gò, chỗ thấp nước tụ, sương tụ, khí ẩm thấp tụ nên tươi. Cành của chủ ta cắm ở giữa gò chỗ cao đất khô nên héo, chứ có ai thánh tướng gì! Nhưng sao ta lại để cho chủ ta thua cuộc!” Rồi, do cái ý trung hậu ấy, Bồn nhổ cả hai cành lên, cắm đảo lại. Tang tảng sáng hôm sau, hai sư chủ lại cùng ra: Ông Nội thị được cuộc.

Đêm hôm ấy, ông thầy Tàu không ngủ được vì tức rằng mình thua cuộc. Trời đã khuya rồi mà ở dưới nhà ngang, ông còn chong ngọn hoàng lạp xem sách. Vừa xem ông vừa lầm nhảm: “Quái lạ! Mình thua cuộc thì lạ quá! Rõ ràng huyệt mình ngắm *tọa Trấn hướng Đoái hơi ré giáp canh ba li*. Thế mà thua, tức thật. Phen này đập la bàn đi thôi! Lại thua đến An Nam nữa!”

Lúc đó Bồn ngồi vắn chỗi ngoài hè vì Bồn phải thức để hầu ông thầy xem ông có sai bảo gì không. Nghe thấy ông nói thế và cũng thương tình ông bực rọc, Bồn vào nói:

-Thưa thầy, thầy được cuộc chứ không thua. Cái đó là tại con.

-Rồi Bồn kể hết đầu đuôi câu chuyện.

Ông thầy nghe đến đầu mặt mày tươi tỉnh đến đó và cứ ngăm nghĩa Bồn thật kỹ. Bồn kể xong, ông nói:

-Thôi thế là phúc nhà chú. Ta vẫn ngờ ngờ về cái chỗ phúc đức nhà chủ này. Đất thì là đất to mà xem ra phúc đức nhà chủ không xứng. Thôi, thế cũng là việc trời. Ta cho chú ngồi chính kết đó. Nhưng chú phải kín, để rồi ta liệu cho. Nhưng ta nói cho chú biết cái thế đất ấy phát ra thế nào.

Trước hết đất này là đất “đắc địa rồi mới sinh nhân” vậy chú không được hưởng. Đất này phát khí chậm, vậy chú cũng không được trông thấy. Đòi cháu chú mới phát, nghĩa là đòi thứ tư của cái nắm xương dưới mả. Đại khái đất phát như thế này: đòi đòi có người đỗ đại khoa làm đến khanh tướng, nối nhau được hơn ba trăm năm, trong nhà, trong họ khoa hoạn không khi nào dứt. Đỉnh nhiều, thọ cũng nhiều nhưng tiền của thì chỉ phong lưu chứ không giàu vì thủy không tụ. Có giàu cũng chỉ được một đời rồi tan ngay mà sau khi tan thì người ấy, cảnh ấy kém đỉnh, kém quý hiển. Làm nên tể tướng cũng vẫn không tụ tiền, cũng vẫn thanh bạch. Tóm lại đất phát quý, phát đỉnh chứ không phát phú. Đó là những cái tốt của ngôi đất; còn những cái xấu ta cũng nói nốt: một là mỗi đời phải có một người chết đuối, hai là con trưởng, cảnh trưởng bất lợi trừ nhà con một. Đất này phát chậm là chậm những điều tốt, còn những điều xấu thì phát ngay, thí dụ như việc chết đuối thì ứng vào chú đầu tiên, rồi đến con chú.

Sáng hôm sau, nhà chủ bàn với thầy về việc cất mộ vào đất Gò Cẩm. Thầy nói:

-Vâng, mai ngày lành tháng tốt ta làm ngay. Ông thế mà sành hơn tôi, vậy việc *phân kim* xin ông làm lấy. Tôi đã không bắt trúng huyệt thì việc *phân kim* tôi cũng chẳng dám làm. Nhưng tôi muốn xin ông cái phó huyệt cho tên Bồn. Huyệt ấy chỉ phát đến hương khoa huyện lệnh và cũng có đỉnh tài. Chủ huyệt chính thì đây tở huyệt phó.

-Vâng, tôi cũng định cho nó.

Thế là, hôm sau hai đám bốc mộ. Ông Nội thị và Bồn đều đưa hài cốt cha vào hai huyệt chính phó Gò Cẩm.

Khi ông thầy về Tàu, Bồn tiễn chân ra đến quan lộ, ân cần hỏi tên họ và hiệu ông để ngày sau con cháu cúng tế. Ông gạt đi:

-Thôi! Bất tất! Cái đó là trời cho chú, chứ có công gì ở tôi. Tôi xem được đất còn cho đất là việc trời. Ông Thị ngăm huyệt tinh lắm. Phen này là trời không muốn cho mà làm mờ mắt ông đi đó. Trời cho chú cho nên xui chú tinh nghịch đối cảnh lá.

Hai năm sau, Bồn thôi đi ở cây, về nhà lấy vợ. Vợ chồng nhờ trời làm ăn cũng khá. Mấy năm sau nữa, sinh được một đứa con trai, nhờ thầy đồ trong làng đặt tên cho là Vĩ. Chàng cùng vợ con mở một ngôi hàng nước ở đường cái quan, làm ăn ngày càng phát đạt. Vợ chồng lại cứ đến mùa viêm nhiệt nấu nước để ở ngã ba, cầu, quán để khách đi đường, thợ gặt, thợ cấy có nước uống không phải uống nước lã vì không mát tiền. Nấu cháo bổ thí, cúng chúng sinh, săn sóc kẻ nghèo hơn, dễ dãi và tử tế với mọi người, bằng ấy nết ăn ở khiến người quanh vùng kính trọng. Họ kính trọng vì

nhà bác cu Vĩ cũng gọi là đủ ăn, không lấy gì làm giàu có. Cu Vĩ lớn lên bác cho đi học ông đồ trong làng. Học ngay ông đồ ở dạy học nhà cụ cố Thị. Bây giờ con trai ông Thị đã đỗ công sinh nên ông lên làm cụ cố. Thằng cu Vĩ học sáng dạ lắm, cả nhà cụ cố Thị vẫn khen là đất sỏi có chạch vàng. Vĩ học hết tứ thư ngũ kinh thì tuổi vừa hai mươi mà bác Bồn tuổi ngoài bốn mươi. Cố Thị bây giờ, thấy con mình đỗ, mà nhà bác cu Vĩ vẫn thường thường, ngợ là mình đã đẻ sai huyết, nhưng không dám cải táng lại nữa vì lẽ hai huyết đều là huyết phát mà đào huyết phát lên thì tú khí tiết hết, sau đâu có đẻ huyết tốt hơn cũng vô hiệu. Vì vậy, người hàng xóm thì lấy làm mừng thay cho nhà cụ mà riêng cụ lại buồn rằng đã vô chượt cái huyết chính kết cho con cháu.

Cậu công nhà cụ cố Thị đỗ được một năm thì bác Bồn một hôm đi chơi làng Thu hồng huyện Thiên phúc tắm sông rồi chết đuối, ứng với lời tiên tri của ông thầy khách. Khi đó Vĩ mới hai mươi hai tuổi. Vì bác Bồn mất một cách không ngờ và đột nhiên như thế, nên cái câu giới giảng truyền tám đời đến nay bỗng mất.

Đến năm ba mươi tuổi Vĩ mới sinh con đầu lòng. Người con ấy sinh giữa năm Quang bảo thứ hai đời vua Mạc Tuyên tông (tên là Mạc Phúc Nguyên). Nhà Lê khi đó nhờ Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm đã trung hưng lên ở Thanh Hóa. Năm ấy đương vào năm Thuận bình thứ bảy đời vua Lê Trung Tông (lịch tây vào năm 1555). Đưa con ấy, đồ Vĩ đặt tên là Thật (Nguyễn Thực).[3]

Nguyễn Thực đỗ Hoàng giáp năm 1595, con là Nguyễn Nghi đỗ 1619. Hai cháu nội Nguyễn Nghi là Nguyễn Khuê và Nguyễn Sĩ đỗ tiến sĩ năm 1670. Con Nguyễn Khuê là Nguyễn Thâm đỗ năm 1706. Cháu của Nguyễn Thâm là Nguyễn Thường đỗ năm 1754, cùng với Tiến sĩ Nguyễn Lân của dòng họ Nguyễn khác (đỗ năm 1712) làm cho Vân Điem trở thành làng khoa bảng có tiếng ở đất Đông Ngàn.

Đời nhà Nguyễn có Nguyễn Tư Giản, đỗ hoàng giáp Tiến sĩ năm 21 tuổi, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lại. Con là Tiến sĩ Nguyễn Kham đỗ năm 1871 làm tham biện nội các Cơ mật viện.

Trong vòng hơn 400 năm từ khoảng thế kỷ thứ XVI đến cuối thế kỷ XX, dòng họ Nguyễn làng Vân Điem đã sản sinh ra 11 tiến sĩ (3 khoa học ở Pháp, Úc), trong đó có một người được tặng phong Tể tướng, 4 người được phong quận công, 5 người được phong tước hầu cùng nhiều hương cống thời Lê và cử nhân thời Nguyễn. Đáng lưu ý, dòng họ này có đến 4 người đi sứ sang Trung Quốc là Nguyễn Thực, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thường và Nguyễn Tư Giản.

Đó là sự ứng nghiệm về “quý” của thế đất như lời thầy địa lý nói, về “phú” thì thầy có nói : “*Đinh nhiều, thọ cũng nhiều nhưng tiền của thì chỉ phong lưu chứ không giàu vì thủy không tụ. Có giàu cũng chỉ được một đời rồi tan ngay mà sau khi tan thì người ấy, cảnh ấy kém đinh, kém quý hiển*”.

Nhà văn Nguyễn Công Hoan ghi lại sự kiện này như sau:

Nổi tiếng giàu ở Hà nội, thời xưa (thời bà nội mình) là nhà cụ Công Sùng, ở phố hàng Gai (Họ Nguyễn, quê ở làng Cói- Du Lâm, Từ Sơn). Bà cô mình vẫn gọi là cụ Ngũ, là con dâu cụ Công Sùng. Vẫn được gọi là “phú gia địch quốc”. Nhưng con cái cụ Công Sùng, chơi bời, phá cửa đến khánh kiệt gia tài. Ngày còn nhỏ, mình vẫn thấy cụ Ngũ về Xuân Cầu, hễ nói tới con cái là cụ khóc. [4].

Cụ Công Sùng đây là Nguyễn Đăng Sùng là cháu đích tôn của Nguyễn Án. Ngành này nhờ buôn bán trở nên giàu có vào bậc nhất nhì ở trong nước, ông Nguyễn Quý là con cụ Công Sùng đã bỏ ra 12000 quan tiền để mua hàm ngũ phẩm nên gọi là ông Ngũ. [5]

Câu chuyện trên đây khó có một giải thích khoa học thỏa đáng.

Ngày nay môn phong thủy dương địa lý đã du nhập sang Âu, Mỹ. Khi xây dựng nhà ở đều phải chọn những vị trí hợp với môi trường địa lý xung quanh, dù theo một lối kiến trúc nào thì cũng phải căn cứ vào địa thế xung quanh để tạo dựng một kiến trúc đẹp về thẩm mỹ, lợi về sinh hoạt. Phong thủy dù còn vẻ huyền bí nhưng rất thực tế và gần gũi với đời sống con người.

[1]- Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án, Tang thương ngẫu lục, Sài Gòn, 1961

[2]- Nguyễn Hoạt, Họ Nguyễn gốc Lý và dấu ấn trong lịch sử, Chim Việt Cành Nam

[3]- Nguyễn Triệu Luật, Ngược đường trường thi, Sài Gòn 1939

[4]- Nguyễn Công Hoan- Nhớ và ghi. Tác phẩm mới. Hà nội

[5] Tư liệu họ Nguyễn